TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024.
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Võ Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 23/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kha L, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị D (sau đây gọi tắt là bà D) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Kha L cưới nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 10/9/2018. Trong quá trình chung sống bà D và ông L thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Bà D và ông L đã sống ly thân từ ngày 01/01/2024 đến nay, nhận

thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà D và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Yến, sinh ngày 19/11/2017. Khi ly hôn bà D đồng ý giao con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Kha L được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ly hôn; Giấy khai sinh tên Nguyễn Ngọc Yến (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xác nhận nơi cư trú của ông L.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Kha L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời ông L cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị D với ông Nguyễn Kha L là hợp pháp. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử phân tích, động viên hàn gắn nhưng bà D kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông L không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Bà D và ông L đã ly thân từ ngày 01/4/2024 đến nay nhưng không thể hàn gắn, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạn phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà D được ly hôn với ông Kha.

[3]. Về con chung: Bà D và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Yến, sinh ngày 19/11/2017, cháu Yến hiện đang sống với ông L. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà D và ông L sống ly thân đến nay ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu Yến vẫn phát triển bình thường như bao trẻ em khác, nhằm tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử thống

nhất giao con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án ông L không có yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000580 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà D đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Kha L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến, sinh ngày 19/11/2017 cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông L.

3. Về chia tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000580 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà D đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;*
- *Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh